

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Bá Truyền**

2/ Ông **Lương Phi Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Cao Võ Thanh Sang** – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 85, tổ 2, ấp 3, xã H, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Nh**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

(Bà C và ông Nh xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2025, bản tự khai ngày 23/7/2025 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị C trình bày:

Năm 2009 bà và ông Nh quen biết qua mai mối và kết hôn với nhau trước sự chứng kiến và đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là UBND xã L, tỉnh

Vĩnh Long). Khi cưới bên chồng có cho 07 chỉ vàng nữ trang cưới nhưng sau ngày cưới thì vợ chồng bà đã bán để trang trải cuộc sống nên không còn.

Về con chung: Bà và ông Nh có 01 người con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 24/6/2010, hiện nay cháu A đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về mâu thuẫn: Sau khi sinh cháu A được 01 năm thì bà và ông Nh xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ông Nh lấy ghế nhựa đánh khiến bà phải may mấy mũi chỉ. Sau đó, bà ẵm con về bên mẹ ruột sinh sống cho đến nay là khoảng 15 năm, đó cũng là khoảng thời gian bà và ông Nh ly thân với nhau. Trong thời gian bà sinh sống bên mẹ ruột thì ông Nh có qua nhà cha mẹ ruột của bà để thăm mẹ con bà được 02 lần, sau đó thì không qua thăm nom hay rước mẹ con bà về. Bà có thuyết phục ông Nh về sống chung với bà nhưng ông Nh không đồng ý. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Nh.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 28/10/2025, bị đơn Nguyễn Văn Nh trình bày:

Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án nhưng do bận đi làm nên ông không đến tham dự được. Trước đây, khi ông và bà C còn sống chung thì thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau về vấn đề kinh tế, tiền bạc trong gia đình nên bà C đã bỏ nhà đi về bên cha mẹ ruột ở xã H, thành phố Cần Thơ để sinh sống đến nay. Ông có nhiều lần qua năn nỉ nhưng bà C không chịu về. Vợ chồng ông sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Hiện nay ông và bà C đều có cuộc sống riêng và ông cũng không còn tình cảm với bà C nữa. Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị C. Ông đồng ý để bà C được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 24/6/2010, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận đi làm nên ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi hoà giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Lê Thị C và bị đơn Nguyễn Văn Nh có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án và xét xử đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Chấp nhận cho bà Lê Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn Nh. Chấp nhận cho bà C được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hữu A. Ông Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị C và bị đơn Nguyễn Văn Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông Nh theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Nh quen biết qua mai mối, tìm hiểu và kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà C và ông Nh thường xảy ra mâu thuẫn cự cãi về vấn đề kinh tế, tiền bạc, bà Nh dẫn theo cháu An về bên cha mẹ ruột tại Cần Thơ sinh sống đến nay là khoảng 15 năm. Thời gian sống xa nhau, bà C và ông Nh có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện tại, tình cảm không còn nên bà C xin ly hôn với ông Nh. Về phía ông Nh có ý kiến đồng ý ly hôn với bà C và xin vắng mặt trong các buổi hoà giải và xét xử.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông Nh đã trầm trọng, ông bà sống xa nhau thời gian dài, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C xin ly hôn với ông Nh, ông Nh đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà C và ông Nh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà C và ông Nh có 01 người con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 24/6/2010, hiện nay cháu A đang sống chung với bà C. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được quyền nuôi cháu A, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu A sống chung với bà C từ khi bà C và ông Nh sống xa nhau đến nay, hiện nay cuộc sống của cháu A ổn định, cháu A cũng có văn bản thể hiện mong muốn được tiếp tục sống chung với bà C. Đối với ông Nh có ý kiến đồng ý để bà C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và môi trường học tập của cháu A được ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà C phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào điều 9, 19, 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị C với ông Nguyễn Văn Nh.

- Về con chung: Chấp nhận cho bà Lê Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 24/6/2010. Ông Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005384 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà C đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3-VL;
- Phòng THADS KV3-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hải Hằng